

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính

Nõn tuổi :Mau giao

Tong sơ tre :312

Sang : Chao thòt nầu nỏ khoai tây me

Sõa grow

Trõa : Cõm thòt kho trõng cut ca rot nầu hủ.

Canh mỗp mong tõi tom tõi thòt heo nạc

Mon luoc: bau

Xe: sõa chua dau

Xe chieu:Mì sõi thòt bõ nam mỗp ca rot gia rau hung

So Tien Tren Moi Tre 36975				
STT	Ten thóc phẩm	Khối lượng(g)	Nôn gia(ñ/100g)	Thanh tien(ñ)
	*CHỒ			
1	Ram (mười)	1,000	1,060	10,600
2	Tom bien	1,500	34,970	524,550
3	Nõnọc măm Ca (loại 1)	1,500	8,800	132,000
4	Dau thao mọc	2,000	6,280	125,600
5	Nõnọc cat	3,000	3,880	116,400
6	Dau me	1,000	3,870	38,700
7	Dau phong	400	7,850	31,400
8	Gạo tẻ máy	25,000	2,630	657,500
9	Nầu nỏ*	600	7,880	47,280
10	Me (vông)	300	11,880	35,640
11	Hạnh lã	1,300	6,300	81,900
12	Hạnh củ tõi	1,000	5,780	57,800
13	Ca rot	5,500	5,460	300,300
14	Nam rỏm	1,000	13,130	131,300
15	Gĩa nầu xanh	1,000	2,730	27,300
16	Mỗp	8,000	3,990	319,200
17	Bỉ (bau)	3,500	3,990	139,650
18	Rau mong tõi	4,400	4,520	198,880
19	Khoai tây	3,000	3,890	116,700
20	Rau hung	100	11,870	11,870
21	Nầu hủ chiên	3,000	3,300	99,000
22	Mì sõi	9,000	7,700	693,000
23	Thòt lỏn nạc	9,700	17,850	1,731,450
24	Thòt nạc đằm	7,800	17,960	1,400,880
25	Thòt bõ loại 2	3,000	29,400	882,000
26	Trõng cut	3,200	13,000	416,000
27	Yaourt	31,200	5,950	1,856,400
Cong				10,183,300
	*XUAT KHO			
28	Sõa bõ Abbott Grow	6,600	20,500	1,353,000
Cong				1,353,000
Tong tien thóc phẩm				11,536,300 ñ
Chi phí khác				0(ñ)
Tien nõnọc chi trong ngay				11544000(ñ)
So dõ nầu ngay				0(ñ)
So dõ cuoi ngay				7700(ñ)
Xuat an luy ke tõi nầu thang				
Tieu chuan luy ke tõi nầu thang				
Tien chi luy ke tõi nầu thang				